

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày 20 tháng 5 năm 2019

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Dư Thị Út**.

2- Bà **Khuru Liên Dung**.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị B**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh Lộc, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Hồng Nở, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: số 129, đường Cách Mạng, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh Lộc, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Hồng Nở, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

TrOg đơn khởi kiện ngày 06/11/2018, biên bản hòa giải ngày 26/12/2018 và tại phiên tòa, chị Đặng Thị B là nguyên đơn trOg vụ kiện trình bày: Trước đó, bà có mua của ông Bùi Văn O 2.345kg lúa với giá 5.400 đồng/kg, chị đã trả tiền đủ cho ông O. Ngày 20/10/2018, chị bán số lúa này cho bà Trần Thị X với giá 5.500đ/kg. Sau khi bà X

mua lúa, bà X có hỏi tôi mua lúa của ông O như thế nào, thì bà X đưa cho tôi tiền chênh lệch 264.000 đồng, bà X nói chị B cứ an tâm không có mất phần đâu, đồng thời bà X yêu cầu chị kêu vợ chồng ông O xuống nhà bà X nói chuyện, nên tôi mới kêu ông O xuống nhà bà X. Hiện tại bà X còn nợ tôi số tiền mua lúa là 12.633.500 đồng, chị B yêu cầu bà Trần Thị X trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải cùng ngày 26/12/2018, bà Trần Thị X là bị đơn trong vụ án trình bày:

Ngày 20/10/2018, bà có mua lúa của chị Đặng Thị B 2.345kg lúa, với giá 5.500đ/kg, thành tiền là 12.897.500 đồng, số lúa này là của ông Bùi Văn O nhờ chị B bán dùm, chị B lấy tiền còn 100đ/kg. Vào ngày 15/10/2015, ông Bùi Văn O còn nợ bà tiền mua tằm cám với số tiền là 15.000.000 đồng. Do chị B bán lúa dùm cho ông O hưởng huê hồng nên ngày 21/10/2018, bà chỉ trả cho chị B số tiền huê hồng là 264.000 đồng, số tiền còn lại của ông O. Nay, chị B yêu cầu bà trả số tiền 12.633.500 đồng của ông O cho chị B là không đúng, nên bà không đồng ý.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019, anh Nguyễn Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Khoảng thời gian chính xác thì anh không nhớ, vợ chồng anh có mua của ông Bùi Văn O một số lúa với giá 5.400 đồng, bán lại cho bà Trần Thị X giá 5.500 đồng, số lượng bao nhiêu kg thì anh cũng không nhớ. Khi cân lúa xong cho bà X thì bà X hẹn vài ngày sau mới trả tiền, khi đến ngày hẹn nhận tiền thì anh tình cờ gặp được ông Bùi Văn O cũng đến nhà của bà X nên anh và ông O cùng đến nhà bà X, khi vào nhà thì bà X không trả tiền cho anh và nói lúa này không phải lúa của anh, còn bà X nói chuyện và thỏa thuận như thế nào với ông O thì anh không nghe và biết được. Anh xác định số lúa mà vợ anh bán cho bà X là do vợ chồng anh mua của ông O trước đó bán lại cho bà X, hiện tại bà X còn nợ vợ chồng anh số tiền 12.633.500 đồng và anh yêu cầu bà X phải trả số tiền này cho vợ anh là chị Đặng Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa chị B và bà X có giao dịch mua bán lúa trên thực tế, được các bên thừa nhận. Bà X không trả tiền cho chị B là do bà cho rằng tài sản mua bán thuộc quyền sở hữu của ông O, mà hiện ông O còn nợ tiền bà nên bà cần trừ nợ. Tuy nhiên, bà X không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B buộc bà X trả cho chị B số tiền 12.633.500 đồng. Bà X có quyền khởi kiện ông O để đòi số tiền còn nợ trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Đặng Thị B khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bà Trần Thị X nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là bà Trần Thị X cư trú tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[2] Chị Đặng Thị B và bà Trần Thị X đều thống nhất giữa các bên có sự việc thỏa thuận mua bán lúa diễn ra vào ngày 20/10/2018, theo đó bà Trần Thị X mua của chị Đặng Thị B 2.345kg lúa, giá 5.500đồng/kg, thành tiền là 12.897.500 đồng, nên xác định đây là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do các đương sự đều thừa nhận, thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét về quá trình thực hiện hợp đồng mua bán tài sản:

[3] Chị Đặng Thị B cho rằng số lúa trên là do chị mua của ông Bùi Văn O vào thời gian trước đó với giá 5.400 đồng/kg rồi bán lại cho bà Trần Thị X để kiếm lời. Sau khi mua lúa, bà X chỉ trả cho chị số tiền 264.000 đồng thì không trả nữa, nên chị yêu cầu bà Trần Thị X trả số tiền mua lúa còn nợ lại là 12.633.500 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Trần Thị X thừa nhận có đưa cho chị Đặng Thị B 264.000 đồng trong tổng số tiền mua lúa của chị B (tiền chênh lệch từ việc mua lúa của ông O), số tiền 12.633.500 đồng còn lại bà X không trả cho chị B là do chị B chỉ đứng trung gian bán dùm lúa cho ông O để hưởng tiền huê hồng. Cho nên, bà xác định số tiền 12.633.500 đồng mà chị B yêu cầu bà trả là của ông O, do ông O thiếu bà 15.000.000 đồng nên bà giữ lại để trừ nợ (bút lục 33).

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 23/01/2019 đối với ông Bùi Văn O (bút lục 38-39) xác định: trước đây ông có nợ bà Trần Thị X tiền mua tám cám là 15.000.000 đồng, nhưng sau đó khoảng năm 2017 bà X cũng có lấy tài sản của ông để trừ nợ, từ đó đến nay bà X không có đến đòi nợ nữa. Ông khẳng định vào ngày 20/10/2018, ông có bán cho chị Đặng Thị B 2.345kg lúa, giá 5.400 đồng/kg, và ông đã nhận tiền đủ của chị B.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 đối với ông Châu Văn C và Biên bản xác minh ngày 14/5/2019 đối với ông Chung Hoàng K là người làm chứng do bà Trần Thị X cung cấp. Song, cả ông C và ông K đều không biết sự việc thỏa thuận mua bán lúa giữa bà X, bà B, ông B và ông O, cũng như sự việc mà các đương sự đã trình bày.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị X có cung cấp đoạn ghi hình ngày 21/10/2018, thể hiện ông O và anh Nguyễn Văn B là chồng của chị B có đến nhà của bà X, tuy nhiên đoạn ghi hình trên không có âm thanh, nên việc trao đổi giữa các bên không biết nói về việc gì. Bà Trần Thị X thì cho rằng đây là cuộc trao đổi về việc ông O nợ tiền bà cũng như việc bà giữ số tiền mua lúa lại để trừ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, đây chỉ là lời trình bày đơn phương của bà Trần Thị X, không được ông O, anh B và chị B thừa nhận, hơn nữa ông O cũng thừa nhận có nợ tiền của bà X thì việc ông O đến nhà, ông O có trả tiền cho bà X là việc đương nhiên, không có cơ sở chứng minh việc các bên thỏa thuận việc chị B bán lúa dùm cho ông O vào ngày 20/10/2018.

Từ sự phân tích trên, không đủ cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà Trần Thị X, nên buộc bà Trần Thị X có trách nhiệm trả cho chị Đặng Thị B số tiền mua lúa còn nợ lại 12.633.500 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Tại Biên bản hòa giải ngày 25/01/2019, chị Đặng Thị B yêu cầu tính lãi suất từ ngày 21/10/2018 cho đến nay (18/4/2019) theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Tại phiên tòa, chị Đặng Thị B rút lại yêu cầu này, xét đây là ý chí tự nguyện của được sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Đối với giao dịch mua bán tài sản giữa bà Trần Thị X và ông Bùi Văn O không liên quan trong vụ án. Nên không cần thiết mời ông O để đối chất với bà X theo yêu cầu của bà. Bà X có quyền khởi kiện ông O trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên bà Trần Thị X phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị B được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định của Tòa án thì có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 430, khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B đối với bà Trần Thị X.

Buộc bà Trần Thị X phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đặng Thị B số tiền 12.633.500đ (Mười hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng).

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị X phải nộp 631.675 đồng (Sáu trăm ba mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Chị Đặng Thị B được nhận lại 315.800 đồng (Ba trăm mười lăm ngàn tám trăm đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000173 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/5/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THA DS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

LÊ PHAN CÔNG TRÍ